

Bản án số: 24/2021/HS-ST
Ngày 28-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Thanh

2. Ông Phạm Viết Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định , Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đăng Hiệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên : **NĐT** - Sinh ngày: 05/6/1963 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Phú Khang, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Công chức địa chính – Xây dựng; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông NVM (Đã chết); Con bà MTL, sinh năm: 1932; gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ 2, bị cáo có vợ ĐTH, sinh năm 1967, có 02 con, sinh năm 1989 và 1995.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo là Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam, hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 18-QĐ/UBKTHU ngày 20/4/2021 của huyện ủy Yên Định. Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà NTK, sinh năm 1944 (Có mặt)

2. Ông LXL, sinh năm 1939 (Vắng mặt)

Đều ở tại địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Người làm chứng: Chị Đỗ Thị Phương, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Phú Khang, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà NTK, sinh năm 1944, trú tại thôn 2 xã Đ, huyện Yên Định là vợ liệt sỹ Nguyễn Văn Phong đã lấy chồng khác, thuộc diện được hưởng chế độ tiền tuất hàng tháng, theo hướng dẫn tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ. Đầu tháng 3 năm 2015 bà NTK đến Ủy ban nhân dân xã Đ gặp bị cáo NĐT (lúc đó đang là công chức địa chính kiêm giải quyết hồ sơ về chế độ chính sách) nhờ NĐT hướng dẫn làm thủ tục hồ sơ, bà có đưa cho NĐT 200.000đ làm tiền lộ phí đi lại. NĐT nhận lời và hoàn thiện hồ sơ, sau đó chuyển đến Phòng LĐTB&XH huyện Yên Định để đề nghị xét duyệt trợ cấp cho bà NTK. Tuy nhiên hồ sơ không đầy đủ nên Phòng LĐTB&XH huyện Yên Định đã trả lại hồ sơ của bà NTK cho NĐT để tiếp tục hoàn thiện.

Do hồ sơ làm đã lâu mà chưa được hưởng chế độ, đồng thời nghe nhiều người nói: Muốn làm nhanh phải có tiền bồi dưỡng cho cán bộ, nên đầu tháng 3/2016 bà NTK đến công sở xã Đ gặp và đưa cho bị cáo NĐT 5.000.000đ, nhờ NĐT làm nhanh hồ sơ trợ cấp. NĐT đồng ý nhận tiền và nói với bà NTK “*Cháu sẽ cố gắng*”. Sau đó NĐT bổ sung thêm tài liệu, hoàn chỉnh hồ sơ, đến đầu tháng 6/2016 NĐT chuyển hồ sơ xin trợ cấp của bà NTK đến Phòng LĐTB&XH huyện Yên Định để đề nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định trợ cấp đối với bà NTK. Đến ngày 20/6/2016 bà NTK được Sở LĐTB&XH tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định hưởng chế độ tiền tuất hàng tháng đối với vợ liệt sỹ đã lấy chồng khác, theo quyết định số 1331/QĐ-SLĐTBXH. Sau khi có quyết định, cuối tháng 6/2016 bà NTK gặp và đưa 800.000đ cảm ơn NĐT đã làm giúp hồ sơ.

Từ năm 2016 bà NTK được hưởng tiền chế độ, đến ngày 19/3/2020 bà NTK có đơn tố cáo về hành vi nhận tiền làm chính sách. Sau khi biết bà NTK tố cáo mình, NĐT đã đến nhà bà NTK nhiều lần để trả lại tiền, nhưng không gặp bà NTK. Đến ngày 09/5/2020 NĐT nhờ chị Đỗ Thị Phương là cán bộ tiếp dân xã Đ mang 6.000.000đ đến trả cho bà NTK. Sau khi nhận lại tiền ngày 15/5/2020 bà NTK rút đơn tố cáo đối với Nguyễn Đức NĐT.

Quá trình điều tra, bị cáo NĐT đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có QLNVLQ cùng các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 18 ngày 01/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đã truy tố bị cáo NĐT về tội “Nhận hối lộ” theo điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản

1 Điều 354, điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo NĐT từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo NĐT khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bà NTK không có ý kiến đề xuất gì, thống nhất quan điểm luận tội của đại diện viện kiểm sát và đề nghị Tòa án giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo NĐT thừa nhận: Tại thời điểm phạm tội vào tháng 3/2016, bị cáo NĐT nguyên là công chức Địa chính kiêm cán bộ Chính sách của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Yên Định. Bị cáo đã lợi dụng việc mình có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ các đối tượng được hưởng chế độ chính sách trên địa bàn xã Đ, để trình lên cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt, nên đã nhận của bà NTK tổng cộng 3 lần với tổng số tiền 6.000.000đ, trong đó có 1 lần nhận số tiền 5.000.000đ để hứa hẹn làm nhanh các thủ tục hưởng chế độ trợ cấp đối với vợ liệt sỹ đã lấy chồng khác cho bà NTK. Lời khai nhận của bị cáo NĐT phù hợp với đơn tố cáo và lời khai của bà NTK cùng các chứng cứ, tài liệu khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm của tội nhận hối lộ.

Tháng 3/2016 bị cáo NĐT nhận tiền và hứa giúp cho bà NTK, thì ngày 20/6/2016 bà NTK được Sở LĐTB&XH tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định cho hưởng trợ cấp tiền tuất hàng tháng. Đến ngày 19/3/2020 bà NTK có đơn tố cáo hành vi nhận hối lộ của bị cáo như đã nêu ở trên.

Hành vi của bị cáo NĐT thực hiện trước khi có Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực, nhưng do điều luật quy định về tội Nhận hối lộ mà Bộ luật hình sự năm 2015 quy định nhẹ hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, cần áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354

Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi năm 2017 để truy cứu trách nhiệm hình sự, xét xử đối với bị cáo NĐT.

Trong vụ án này còn có bà NTK đã có hành vi đưa hối lộ cho bị cáo NĐT. Tuy nhiên trước khi sự việc bị phát giác bà NTK đã chủ động tố cáo hành vi nhận hối lộ của NĐT, nên được xem xét không xử lý về hình sự đối với bà NTK theo khoản 7 Điều 364 Bộ luật hình sự là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà NTK.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo NĐT không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã chủ động giao trả lại 6.000.000đ mà mình đã nhận cho bà NTK nhằm khắc phục hậu quả; năm 2004 bị cáo được Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tặng Huy chương vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ; bản thân bị cáo trong quá trình công tác tại UBND xã Đ đã có nhiều đóng góp, thành tích, được cơ quan có thẩm quyền tặng nhiều giấy khen; bị cáo còn có thời gian tham gia quân ngũ từ năm 1982 đến 1985. Ngoài ra bị cáo có bố là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, tại phiên tòa bà NTK có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Như vậy, bị cáo được áp dụng 06 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 03 tình tiết quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và 03 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự, cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng, có điều kiện chăm sóc mẹ già và con đang bị tàn tật.

[4] Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân của người phạm tội và hình phạt.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan hành chính nhà nước được pháp luật hình sự điều chỉnh, làm giảm lòng tin của nhân dân, đi ngược lại với các quy định về đấu tranh phòng chống tham nhũng của Đảng và nhà nước ta hiện nay. Cần thiết phải áp dụng hình phạt tù theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự cho bị cáo để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tham nhũng của Đảng và nhà nước ta hiện nay.

Tuy nhiên, xét thấy hành vi nhận hối lộ của bị cáo xảy ra đã lâu (*khoảng 4 năm trước khi bị phát hiện*), nhưng khi bị bà NTK tố giác, bị cáo đã chủ động khai báo sự việc, chủ động trả lại tiền cho bà NTK nhằm khắc phục hậu quả, không quanh co, chối tội, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan tiến hành tố tụng nhanh chóng điều tra làm rõ sự việc. Hơn nữa bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình thực hiện công vụ đã có nhiều thành tích

được chính quyền địa phương ghi nhận. Mặt khác bà NTK là người đưa hối lộ, nhưng sau khi nhận được tiền mà bị cáo trả lại, bà đã đến cơ quan công an rút đơn tố cáo đối với hành vi nhận hối lộ của bị cáo.

Do vậy, cần xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo thành công dân tốt, đồng thời thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Hiện nay bị cáo đã trả lại số tiền nhận hối lộ cho bà NTK, bà NTK không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 354, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 136, Điều 260, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo NĐT phạm tội “*Nhận hối lộ*”.

Xử phạt bị cáo NĐT 09 (*chín*) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo NĐT phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo NĐT và bà NTK được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông LXL vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Bị cáo; người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng